



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2021 ĐẾN NGÀY 30/06/2021

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 kèm theo.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc (sau đây được gọi là “Ban Giám đốc”) đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch Công ty
Ông Nguyễn Văn Tánh	Giám đốc
Ông Lê Trung Cang	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sáu	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Đinh Phú Thọ.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC-Chi nhánh Hà Nội.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Công ty,



Nguyễn Văn Phú

Chủ tịch Công ty

Bình Định, ngày 25 tháng 8 năm 2021



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIME GLOBAL

Số: *ph* /2021/AACHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây được gọi là “Công ty”), được lập ngày 25/08/2021, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/06/2021. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 của Công ty.

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 04. 3224 2403 / 04. 6666 6369
Email: aac.hn@aac.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Đến thời điểm lập báo cáo này, số dư công nợ Phải trả người bán; Trả trước cho người bán; Tạm ứng tại ngày 30/06/2021 của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận, các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của các số dư công nợ này tại ngày 30/06/2021.

Tại ngày 30/06/2021, Công ty hạch toán tăng Chi phí phải trả với số tiền 8.668.266.029 đồng, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ cơ sở cho việc hạch toán này, do đó chúng tôi không đưa ý kiến về vấn đề này cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

Công ty hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang 134.192.596.000 đồng, trong đó bao gồm Hệ thống điện vận hành, Nhà quản lý vận hành đập, Hệ thống quan trắc đập, Công ty chưa tách nguyên giá và tính chi phí khấu hao các TSCĐ này, như vậy TSCĐ chưa được phân loại hợp lý và chi phí khấu hao các TSCĐ trên chưa được hạch toán.

Công ty hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ Công trình Hệ thống tưới kênh Thượng Sơn với tổng số tiền 423.070.889.900 đồng, bao gồm tài sản cùng được giao cho 03 đơn vị khác, Công ty hạch toán toàn bộ tổng nguyên giá mà không hạch toán riêng giá trị tài sản được giao, như vậy nguyên giá TSCĐ được ghi nhận không hợp lý.

Công ty hạch toán thiếu chi phí khấu hao một số TSCĐ, chúng tôi ước tính chi phí khấu hao hạch toán thiếu là 1,383 tỷ đồng; theo đó nếu hạch toán đầy đủ chi phí khấu hao thì lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ giảm đi 1,383 tỷ đồng.

Như đã trình bày tại thuyết minh số “10. Tài sản cố định hữu hình”, khi thanh lý TSCĐ công trình thủy lợi, Công ty hạch toán giảm giá trị khấu hao lũy kế, như vậy chưa phù hợp Chế độ kế toán do TSCĐ này không có giá trị khấu hao lũy kế đã hạch toán.

Giá trị còn lại của tài sản cố định (TSCĐ) công trình thủy lợi khi thanh lý được Công ty hạch toán giảm Vốn góp của Chủ sở hữu, chúng tôi chưa thu thập được phê duyệt của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định về việc giảm vốn góp này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định tại ngày 30/06/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh “6. Phải thu khác”, thuyết minh “16. Vốn chủ sở hữu”, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành và trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển theo kế hoạch đặt hàng, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định chưa phê duyệt phân phối lợi nhuận này. Trong kỳ, Công ty đã sử dụng Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành và dùng Quỹ Đầu tư phát triển để bù đắp Quỹ Khen thưởng năm 2014 đã chi. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Đối với các tài sản nhận bàn giao theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định, Công ty hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ căn cứ theo xác nhận của đơn vị giao tài sản hoặc quyết toán công trình từ nhiều năm trước (không tính hao mòn đến thời điểm bàn giao), chưa có hướng dẫn hoặc xác nhận của cơ quan quản lý về nguyên giá các TSCĐ nhận bàn giao này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Hà Minh Long

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2018-010-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Mai Bình Thanh

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2068-2018-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		21.415.399.209	21.587.995.106
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.413.636.796	11.207.230.124
Tiền	111		3.413.636.796	11.207.230.124
Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.249.451.432	9.768.850.619
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	13.797.901.933	10.500.438.473
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		142.758.700	30.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	490.541.252	1.420.162.599
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(2.181.750.453)	(2.181.750.453)
Hàng tồn kho	140		741.844.717	587.110.563
Hàng tồn kho	141	8	741.844.717	587.110.563
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.466.264	24.803.800
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	5.615.500	24.803.800
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	4.850.764	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.907.604.295.975	3.993.199.968.691
Tài sản cố định	220		4.906.378.804.376	3.989.598.116.506
Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.906.378.804.376	3.989.598.116.506
- Nguyên giá	222		5.052.667.395.327	4.121.688.489.516
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(146.288.590.951)	(132.090.373.010)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	2.281.970.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	-	2.281.970.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.225.491.599	1.319.882.185
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.225.491.599	1.319.882.185
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		4.929.019.695.184	4.014.787.963.797

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
 Tại ngày 30/06/2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		15.361.483.941	14.703.240.928
Nợ ngắn hạn	310		15.361.483.941	14.703.240.928
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	2.126.881.000	4.602.827.495
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	264.170.593	594.234.477
Phải trả người lao động	314		1.781.129.057	2.915.086.722
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.668.266.029	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	440.923.930	233.939.102
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	15	1.772.618.761	1.780.068.761
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		307.494.571	4.577.084.371
Nợ dài hạn	330		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.913.658.211.243	4.000.084.722.869
Vốn chủ sở hữu	410	16	4.913.658.211.243	3.999.989.011.769
Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.909.461.694.986	3.993.801.830.512
Quỹ đầu tư phát triển	418		301.375.257	1.226.875.257
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		3.895.141.000	4.960.306.000
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	95.711.100
Nguồn kinh phí	431		-	95.711.100
TỔNG NGUỒN VỐN	440		4.929.019.695.184	4.014.787.963.797



Nguyễn Văn Phú
 Chủ tịch Công ty
 Bình Định, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Đinh Phú Thọ
 Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phú
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	28.913.004.785	23.816.731.616
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		28.913.004.785	23.816.731.616
Giá vốn hàng bán	11	18	24.089.202.581	18.930.816.730
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.823.802.204	4.885.914.886
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	79.809.816	41.401.817
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	5.100.072.220	4.927.113.315
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(196.460.200)	203.388
Thu nhập khác	31	21	196.470.200	-
Chi phí khác	32	22	10.000	203.388
Lợi nhuận khác	40		196.460.200	(203.388)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-	-



Nguyễn Văn Phú
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Đinh Phú Thọ
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phú
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		25.940.957.387	33.655.408.172
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(5.121.533.645)	(5.682.428.532)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(3.686.245.740)	(3.188.254.470)
Tiền lãi vay đã trả	4		-	(127.893.000)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(186.972.060)	(260.157.726)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.272.323.020	2.112.320.668
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(20.178.395.106)	(19.696.670.921)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.959.866.144)	6.812.324.191
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(913.537.000)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(20.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		79.809.816	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(833.727.184)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	98.953.997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	98.953.997
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.793.593.328)	(3.088.721.812)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	11.207.230.124	9.123.173.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	8.413.636.796	6.034.451.524



Nguyễn Văn Phú
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Đinh Phú Thọ
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phú
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Khai thác Công trình Thủy Lợi Bình Định), Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định. Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100259395; đăng ký lần đầu ngày 11/08/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/05/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 228 Nguyễn Văn Linh, Khu vực Huỳnh Kim, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Vốn điều lệ của Công ty là: 435.588.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu đồng)

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm các đơn vị sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1	Xí nghiệp thủy lợi I (*)	Số 23 đường Trần Hưng Đạo, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, Bình Định
2	Xí nghiệp thủy lợi II (*)	Số 117, đường Quang Trung, thị trấn Ngô Mây, huyện Phù Cát, Bình Định
3	Xí nghiệp thủy lợi III (*)	Khu vực Cẩm Văn, Phường Nhơn Hưng, Thị xã An Nhơn, Bình Định
4	Xí nghiệp thủy lợi IV (*)	Thôn Công Chánh, thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, Bình Định
5	Xí nghiệp thủy lợi V (*)	Thôn Trà Sơn, Xã Tây An, huyện Tây Sơn, Bình Định
6	Xí nghiệp Thủy Lợi Định Bình (*)	Thôn Định Nhất, xã Vĩnh Hảo, huyện Vĩnh Thạnh, Bình Định
7	Xí nghiệp Dịch vụ thủy lợi - Chi nhánh Công ty TNHH Công trình Thủy lợi Bình Định (**)	Thôn Thọ Tân Nam, xã Nhơn Tân, Thị xã An Nhơn, Bình Định
8	Xí nghiệp Tư vấn thiết kế thủy lợi - Chi nhánh Công ty TNHH Công trình Thủy lợi Bình Định (***)	Khu vực Huỳnh Kim, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Bình Định

(*) Xí nghiệp hoạt động phụ thuộc, hạch toán báo sổ.

(**) Xí nghiệp hoạt động độc lập, hạch toán phụ thuộc.

(***) Xí nghiệp đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi;
- Dịch vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Hoạt động du lịch tại các công trình thủy lợi;
- San ủi mặt bằng, cải tạo ruộng đồng;
- Khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi;
- Khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)

- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ mời thầu; Tư vấn tham gia dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình;
- Đầu tư khai thác công trình thủy điện;
- Thi công xây dựng sửa chữa các công trình thủy lợi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.3 LẬP DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng của Công ty được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Đối với hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình xây dựng dở dang chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình. Giá trị xây lắp dở dang được xác định mang tính ước tính cao và có thể thay đổi trong từng thời kỳ tùy thuộc vào chính sách của Công ty.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo đơn đặt hàng của Sở Tài chính Tỉnh Bình Định, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, ghi nhận tăng nguyên giá theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng; đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao hàng năm (tăng hoặc giảm) tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25
- Máy móc thiết bị	7 - 8
- Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
- Tài sản cố định khác (*)	30 - 50

(*) Tài sản cố định khác của Công ty không phải trích khấu hao, bao gồm các loại:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);
- Máy bơm nước từ 8.000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm và chi phí sửa chữa khu vực văn phòng nhà làm việc Công ty.

Các công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa được Công ty phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh với thời gian không quá 36 tháng.

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua, đồng thời Công ty có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Đối với doanh thu Thủy lợi phí:

Doanh thu thủy lợi phí bao gồm: Doanh thu trong hạn điền và doanh thu ngoài hạn điền.

- Doanh thu trong hạn điền là doanh thu thủy lợi phí đối với các Hợp tác xã nông nghiệp được ngân sách Nhà nước cấp 100% kinh phí dựa vào biên bản nghiệm thu sản lượng thực hiện giữa Công ty và các Hợp tác xã.
- Doanh thu ngoài hạn điền là doanh thu thủy lợi phí từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện cho các đơn vị bên ngoài, đơn giá thủy lợi phí được áp dụng theo Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 31/01/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán

3.9 THUẾ

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thủy lợi phí trong hạn điền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, do vậy Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.8 GHI NHẬN DOANH THU, GIÁ VỐN (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm lãi tiền gửi, lãi cho vay.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán

3.9 THUẾ

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thủy lợi phí trong hạn điền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, do vậy Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	26.455.014	37.871.384
<i>Văn phòng Công ty</i>	23.634.053	33.220.302
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	2.820.961	4.651.082
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.387.181.782	11.169.358.740
<i>Văn phòng Công ty</i>	3.033.002.762	10.428.261.291
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	354.179.020	741.097.449
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	5.000.000.000	-
Cộng	8.413.636.796	11.207.230.124

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	13.797.901.933	10.500.438.473
- Khách hàng Văn phòng Công ty	13.767.349.933	10.377.526.473
+ Công ty Cổ phần đường Bình Định	920.000.000	920.000.000
+ Ngân sách cấp bù Thủy lợi phí	8.887.222.320	5.037.414.361
+ Công ty Cổ phần thủy điện Định Bình	959.689.512	955.300.275
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Văn Phong	2.991.761.301	3.464.338.557
+ Phải thu khách hàng khác	8.676.800	473.280
- Khách hàng Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	30.552.000	122.912.000
Cộng	13.797.901.933	10.500.438.473

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	490.541.252	-	1.420.162.599	-
- Văn phòng Công ty	489.917.252	-	1.419.538.599	-
Ngân sách hỗ trợ Quỹ khen thưởng Người lao động năm 2014 (*)	-	-	750.000.000	-
Ngân sách hỗ trợ Quỹ khen thưởng Ban Điều hành năm 2014 (*)	-	-	175.500.000	-
Phải thu người lao động (Tạm ứng)	402.268.074	-	442.449.766	-
Phải thu khác	41.997.786	-	51.588.833	-
- Xí nghiệp Dịch vụ thủy lợi	624.000	-	624.000	-
Tiền thuế hóa đơn không hợp lệ	624.000	-	624.000	-
Cộng	490.541.252	-	1.420.162.599	-

(*) Được bù đắp từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận năm 2020, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định chưa phê duyệt việc phân phối lợi nhuận này.

7. NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	4.384.338.557	2.202.588.104	4.384.338.557	2.202.588.104
- Công ty CP Đường Bình Định	920.000.000	-	920.000.000	-
- Công ty CP Thủy điện Văn Phong	3.464.338.557	2.202.588.104	3.464.338.557	2.202.588.104
Cộng	4.384.338.557	2.202.588.104	4.384.338.557	2.202.588.104

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH

Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 01/01/2021 – 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	456.602.128	-	449.910.563	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	425.604.660	-	416.529.188	-
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	30.997.468	-	33.381.375	-
Công cụ, dụng cụ	8.291.400	-	27.100.000	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	8.291.400	-	27.100.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	276.951.189	-	110.100.000	-
<i>Văn phòng Công ty</i>	-	-	-	-
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	276.951.189	-	110.100.000	-
Cộng	741.844.717	-	587.110.563	-

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH

Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 01/01/2021 – 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				
- Xây dựng cơ bản	-	-	2.281.970.000	2.281.970.000
Sửa chữa, nâng cấp Nhà làm việc Công ty	-	-	2.281.970.000	2.281.970.000
Kênh thoát lũ qua hạ lưu tràn băng kênh chính hồ Núi Một	-	-	615.065.000	615.065.000
Tường rào, cổng ngõ Nhà làm việc Xí nghiệp thủy lợi III	-	-	1.065.165.000	1.065.165.000
Sửa chữa, nâng cấp mở rộng hội trường, trần nhà và điện Xí nghiệp thủy lợi IV	-	-	123.928.000	123.928.000
Xây dựng sân nền và hàng rào Xí nghiệp thủy lợi II	-	-	145.272.000	145.272.000
Khoan giếng nước tại Nhà quản lý tổ thủy nông Thuận Ninh I	-	-	160.972.000	160.972.000
Khoan giếng nước tại Nhà quản lý tổ thủy nông Văn Phong	-	-	98.421.000	98.421.000
Lắp đặt hệ thống điện mặt trời tại hồ chứa nước Quang Hiến	-	-	72.047.000	72.047.000
	-	-	1.100.000	1.100.000
Cộng	-	-	2.281.970.000	2.281.970.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2021	36.189.721.572	4.554.503.471	10.025.185.486	1.177.300.000	4.069.741.778.987	4.121.688.489.516
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.234.393.000	-	98.325.000	-	1.065.165.000	2.397.883.000
- Nhà nước cấp (*)	82.472.000	170.647.000	-	-	932.398.496.445	932.651.615.445
- Phá dỡ, xây dựng công trình mới (**)	(309.188.634)	-	-	-	(3.761.404.000)	(4.070.592.634)
30/06/2021	<u>37.197.397.938</u>	<u>4.725.150.471</u>	<u>10.123.510.486</u>	<u>1.177.300.000</u>	<u>4.999.444.036.432</u>	<u>5.052.667.395.327</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2021	(9.615.411.355)	(905.426.463)	(10.352.312.817)	(1.177.300.000)	(110.039.922.375)	(132.090.373.010)
- Khấu hao trong kỳ	-	(89.146.000)	(122.748.604)	-	-	(211.894.604)
- Tăng khác	-	-	-	-	(16.537.178.115)	(16.537.178.115)
- Phá dỡ, xây dựng công trình mới (**)	286.231.338	-	-	-	2.264.623.440	2.550.854.778
30/06/2021	<u>(9.329.180.017)</u>	<u>(994.572.463)</u>	<u>(10.475.061.421)</u>	<u>(1.177.300.000)</u>	<u>(124.312.477.050)</u>	<u>(146.288.590.951)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2021	<u>26.574.310.217</u>	<u>3.649.077.008</u>	<u>(327.127.331)</u>	-	<u>3.959.701.856.612</u>	<u>3.989.598.116.506</u>
30/06/2021	<u>27.868.217.921</u>	<u>3.730.578.008</u>	<u>(351.550.935)</u>	-	<u>4.875.131.559.382</u>	<u>4.906.378.804.376</u>

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 30/06/2021: 12.431.617.400 đồng (không bao gồm TSCĐ không phải trích khấu hao).

(*) Các công trình thủy lợi Nhà nước giao quản lý, vận hành và các công trình nhận bàn giao lại từ các đơn vị khác theo Quyết định của UBND Tỉnh Bình Định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

(*) Gồm tăng nguyên giá Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tỉnh bàn giao), tổng nguyên giá 134.192.596.000 đồng, trong đó bao gồm Hệ thống điện vận hành, Nhà quản lý vận hành đập, Hệ thống quan trắc đập (thuộc loại TSCĐ có tính chi phí khấu hao), Công ty chưa tách nguyên giá và tính chi phí khấu hao các TSCĐ này.

(*) Gồm Công trình Hệ thống tưới kênh Thượng Sơn do UBND Tỉnh giao, tổng nguyên giá 423.070.889.900 đồng, bao gồm tài sản cùng được giao cho 03 đơn vị khác, Công ty hạch toán tăng TSCĐ toàn bộ tổng nguyên giá mà không hạch toán riêng giá trị tài sản được giao.

(**) Đối với TSCĐ là công trình thủy lợi (thuộc loại TSCĐ chỉ theo dõi giá trị hao mòn, không phải hạch toán chi phí khấu hao), khi thanh lý Công ty hạch toán giảm giá trị khấu hao lũy kế, như vậy chưa phù hợp Chế độ kế toán do TSCĐ thanh lý không có giá trị khấu hao lũy kế đã hạch toán.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	5.615.500	24.803.800
- Phí Bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô, khác	5.615.500	24.803.800
<i>Văn phòng Công ty</i>	5.615.500	24.803.800
Dài hạn	1.225.491.599	1.319.882.185
- Phí Bảo hiểm, phí đường bộ xe ô tô, khác	20.511.000	26.705.900
- Chi phí giấy phép khai thác sử dụng nước hồ	431.414.733	455.162.333
<i>Đình Bình</i>		
- Giá trị còn lại của Công cụ dụng cụ	773.565.866	838.013.952
<i>Văn phòng Công ty</i>	753.588.335	800.760.966
<i>Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi</i>	19.977.531	37.252.986
Cộng	1.231.107.099	1.344.685.985

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.126.881.000	2.126.881.000	4.602.827.495	4.602.827.495
- Văn phòng Công ty	2.126.881.000	2.126.881.000	4.210.757.300	4.210.757.300
+ Công ty TNHH Xây dựng Danh Xây	13.646.000	13.646.000	149.272.000	149.272.000
+ Công ty TNHH Phương Đông	-	-	363.621.000	363.621.000
+ Doanh nghiệp tư nhân Trung Tiến	163.010.000	163.010.000	305.972.000	305.972.000
+ HTX NN Bình Hòa	102.957.000	102.957.000	-	-
+ Công ty TNHH XD Tổng Hợp Hưng Thông	126.933.000	126.933.000	-	-
+ Công ty TNHH Kiểu Việt	121.652.000	121.652.000	107.281.000	107.281.000
+ Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Minh Phát	181.940.000	181.940.000	236.935.000	236.935.000
+ Công ty TNHH Tư vấn đầu tư XD Tây Sơn	132.814.000	132.814.000	-	-
+ Công ty TNHH Tư Vấn Xây dựng Thuận Thiên	110.518.000	110.518.000	-	-
+ Công ty CP SX xây lắp thương mại dịch vụ Bình Định	21.201.000	21.201.000	423.354.000	423.354.000
+ DNTN Xây dựng Ngọc Anh	132.029.000	132.029.000	166.559.000	166.559.000
+ Công ty TNHH Xây dựng Tài Lộc	63.962.000	63.962.000	419.836.000	419.836.000
+ Công ty TNHH Xây lắp tổng hợp Phát Thịnh	81.058.000	81.058.000	81.058.000	81.058.000
+ DNTN Năm Hương	-	-	88.509.000	88.509.000
+ Công ty TNHH Bảo Phong	95.609.000	95.609.000	315.643.000	315.643.000
+ Công ty TNHH Hiệp Tiến	-	-	755.387.300	755.387.300
+ Phải trả đối tượng khác	779.552.000	779.552.000	797.330.000	797.330.000
- Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	-	-	392.070.195	392.070.195
Cộng	2.126.881.000	2.126.881.000	4.602.827.495	4.602.827.495

CÔNG TY TNHH KTCT THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH

Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 01/01/2021 – 30/06/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	362.576.405	273.788.622	382.973.594	253.391.433
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.121.296	-	182.121.296	-
- Thuế thu nhập cá nhân	8.101.404	43.089.735	40.411.979	10.779.160
- Thuế tài nguyên	41.435.372	-	41.435.372	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	111.524.531	111.524.531	-
- Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
Cộng	594.234.477	438.402.888	768.466.772	264.170.593
	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	4.850.764	4.850.764
Cộng	-	-	4.850.764	4.850.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	440.923.930	233.939.102
- Kinh phí công đoàn	154.268.728	-
- Phải trả chi phí thẩm tra quyết toán	83.764.202	83.177.102
- Phải trả khác - Văn phòng Công ty	109.184.000	57.055.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	93.707.000	93.707.000
Cộng	440.923.930	233.939.102

15. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.772.618.761	1.780.068.761
- Dự phòng phải trả chi phí sửa chữa, duy tu công trình thủy lợi	1.772.618.761	1.780.068.761
	1.772.618.761	1.780.068.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	3.659.216.447.257	282.911.911	6.703.420.780	-	3.666.202.779.948
- Tăng vốn trong năm trước	331.775.387.855	-	1.238.091.020	-	333.013.478.875
- Lãi trong năm trước	-	-	-	6.023.878.753	6.023.878.753
- Trích lập quỹ trong năm (*)	-	1.087.402.366	-	(1.087.402.366)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(4.936.476.387)	(4.936.476.387)
- Kết chuyển nguồn hình thành tài sản	2.981.205.800	-	(2.981.205.800)	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	(171.210.400)	(143.439.020)	-	-	(314.649.420)
31/12/2020	3.993.801.830.512	1.226.875.257	4.960.306.000	-	3.999.989.011.769
01/01/2021	3.993.801.830.512	1.226.875.257	4.960.306.000	-	3.999.989.011.769
- Tăng vốn trong kỳ này	916.114.437.330	-	-	-	916.114.437.330
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Kết chuyển nguồn hình thành tài sản	1.065.165.000	-	(1.065.165.000)	-	-
- Bù đắp Quỹ Khen thưởng năm 2014 đã chi (**)	-	(925.500.000)	-	-	(925.500.000)
- Giảm vốn trong kỳ này	(1.519.737.856)	-	-	-	(1.519.737.856)
30/06/2021	4.909.461.694.986	301.375.257	3.895.141.000	-	4.913.658.211.243

(*) Công ty phân phối toàn bộ lợi nhuận năm 2020 để trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty và trích bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển. Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định chưa phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2020 của Công ty.

(**) Bù đắp Quỹ Khen thưởng năm 2014 đã chi từ Quỹ Đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận năm 2020, Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định chưa phê duyệt việc phân phối lợi nhuận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Doanh thu thủy lợi phí cấp bù	23.886.592.959	21.116.178.786
Doanh thu cung cấp dịch vụ - cấp nước thủy điện	4.935.145.926	2.577.208.550
Doanh thu cấp nước khác	8.676.800	9.150.080
Doanh thu khác	82.589.100	114.194.200
Cộng	28.913.004.785	23.816.731.616

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	24.089.202.581	18.930.816.730
Cộng	24.089.202.581	18.930.816.730

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	79.809.816	41.401.817
Cộng	79.809.816	41.401.817

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Chi phí cho nhân viên	2.863.054.394	3.522.987.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	103.217.667	-
Thuế phí, lệ phí	94.059.731	-
Chi phí quản lý tại các Xí nghiệp Thủy lợi	525.867.006	446.566.221
Chi phí quản lý tại Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	139.681.456	148.707.835
Chi phí khác	1.374.191.966	808.852.163
Cộng	5.100.072.220	4.927.113.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. THU NHẬP KHÁC

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	120.000.000	-
+ Thu nhập từ bán cây	120.000.000	-
Văn phòng công ty	76.470.200	-
+ Thu lại tiền lương hỗ trợ đi học của nhân viên	76.470.200	-
Cộng	196.470.200	-

22. CHI PHÍ KHÁC

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Phạt chậm nộp tiền thuế	-	203.388
Xí nghiệp Dịch vụ Thủy lợi	10.000	-
Cộng	10.000	203.388

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	01/01/2021- 30/06/2021 VND	01/01/2020- 30/06/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Lợi nhuận tính thuế theo đặt hàng	-	-
Lợi nhuận tính thuế khác	-	-
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
- Tiền chậm nộp thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

Các loại công cụ tài chính

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.413.636.796	11.207.230.124
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.704.424.658	9.296.400.853
Cộng	20.118.061.454	20.503.630.977
	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	2.413.536.202	4.836.766.597
Chi phí phải trả	8.668.266.029	-
Cộng	11.081.802.231	4.836.766.597
Trạng thái ròng	9.036.259.223	15.666.864.380

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
30/06/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.413.536.202	-	2.413.536.202
Chi phí phải trả	8.668.266.029	-	8.668.266.029
Cộng	11.081.802.231	-	11.081.802.231
01/01/2021			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.836.766.597	-	4.836.766.597
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	4.836.766.597	-	4.836.766.597

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức bình thường. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
30/06/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.413.636.796	-	8.413.636.796
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.704.424.658	-	11.704.424.658
Cộng	20.118.061.454	-	20.118.061.454
01/01/2021			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.207.230.124	-	11.207.230.124
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.296.400.853	-	9.296.400.853
Cộng	20.503.630.977	-	20.503.630.977

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty TNHH Khai thác Công trình Thủy lợi Bình Định đã được kiểm toán, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn 01/01/2020 – 30/6/2020 chưa được soát xét, kiểm toán.



Nguyễn Văn Phú
Chủ tịch Công ty
Bình Định, ngày 25 tháng 8 năm 2021

Đinh Phú Thọ
Kế toán trưởng

Lê Thị Ngọc Phú
Người lập